

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 16

Nghĩa của Kệ: Hai hàng đầu: khen ngợi pháp mầu với một pháp, một thân, một trí. Tám hàng còn lại có bốn ý:

1) Sự sai khác của cõi Phật là do tâm hồi hướng. Vì hồi hướng là vị tùy căn tánh để đem lại lợi ích cho mọi loài, tùy cõi nước thiết lập giáo pháp.

2) Lỗi thật báo của Phật không thể thấy bằng hạnh.

3) Sự khác biệt của chúng sanh là do tâm nghiệp của chúng sanh, không phải do Phật.

4) Với thân lực, Phật tùy căn tánh của chúng sanh hiện pháp. Tên Bồ-tát: Hiền Thủ: đạt mười tín, tin quả Phật và thể tánh của tâm mình là một, hiểu rõ sự thông, tắc của mọi việc, đạt vị hiền. Tâm cảnh của vị này như hư không dung chứa tất cả không ngăn ngại. Đó cũng là công đức của bậc hiền. Cõi nước tên Bình Đẳng: thân tâm như hư không; Đức Phật tên Quan Sát Trí: với trí vi diệu rộng lặng, vị này quán các pháp đều trống không, không đắm nhiễm. Nhân quả: Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Quan Sát Trí là quả. Vì thể dụng viên mãn, nhân quả là một. Vì thế nói: một thân, một tâm, một trí của Như Lai. Nhân quả kế hợp không trước sau.

Hỏi: vì sao đầu phần kệ thường nêu Văn Thù?

Đáp: Vì Văn Thù là trí huệ của Phật. Bất Động Trí là thể, Văn Thù là dụng. Thể dụng nhân quả của chúng sanh Phật là dụng thể nhân quả của lòng tin. Từ đó dạy chúng sanh nương pháp căn bản. Dù đạt quả viên mãn, nhân quả ấy vẫn là một. Vì mười tín là pháp người đời khó tin nhập. Nghe điều này, vẫn có người tự cho mình là phàm phu, khó thành Phật. Người tin một phần là tích tụ thần thông đạo lực. Vì vậy hãy tin hiểu đúng. Có tin hiểu đúng mới tu tập đúng, Vô minh dần giảm, trí huệ dần tăng. Có tin hiểu sự sâu cạn của pháp mới đạt thần thông rộng đức. Nếu không tin làm sao đạt được? Tuy dần dần nhưng là một sát na, một tánh pháp, một trí huệ, không nương tựa, không chứng đắc. Chỉ

vì quen sống trong vô minh nên khó khế hợp chơn như một cách thuần thực, dần dần nhưng không trước sau nhanh chậm.

Mười các Bồ-tát hỏi Văn Thù, 10 hàng Kệ là phần trả lời của Văn Thù, có ba ý: nghĩa của Kệ (như Kinh). Tên Bồ-tát: Văn Thù sư lợi: Diệu Đức. Tái vi diệu phân biệt đúng sai (quẻ chấn như trước). Trí vi diệu là điều kiện phát sanh mười tín, các đức Phật đều tin hiểu, trọn vẹn hành nguyện bằng trí này. Cõi nước tên Kim Sắc: thể của nhân quả là phép thanh tịnh. Phật tên Bất Động Trí: Vô minh vốn không, không gì lay động, tùy cảnh biết pháp, tùy người biết khả năng như âm vang theo tiếng, không có nơi chốn hình thể là trí, không lấy bỏ là Bất Động: Nhân quả: Trí vi diệu là nhân, Phật Bất Động là quả Song nhân quả tác động lẫn nhau. Nếu dùng trí phân biệt các pháp thì trí là nhân. Bất Động là quả. Nếu phân biệt huệ phát sanh từ trí thì Bất Động là nhân, trí vi diệu là quả. Trí và huệ cũng không phải là nhân quả, kỳ thể tánh không đầu mối, không thể nắm bắt được. Đó là sự tự tại của pháp giới, không như nhân quả so sánh của thế gian. Dù mới phát tâm hay thành tựu quả Phật, hai trí ấy vẫn không thay đổi. Đó là mượn trí Phật giác ngộ chúng sanh, để chúng sanh đạt trí Phật. Sự khác biệt của cõi Ta bà và mười phương đều được biểu hiện qua thần lực Phật (như phần hỏi đáp của Văn Thù và các Bồ-tát đương vị). Trong các cõi Phật, cõi kim sắc của Phật Bất Động Trí là cõi Phật an trụ, chín cõi nước và chín đức Phật khác là sự trang nghiêm, là pháp tánh. Mười địa, Như Lai xuất hiện là thành chánh giác, thanh tịnh pháp Phật.

Phẩm bốn đế có sáu ý:

- 1) Tên Bồ-tát: hạnh nguyện của Bồ-tát.
- 2) Cõi nước: lý chứng đạt.
- 3) Tên Phật: trí đạt được.
- 4) Phương hướng pháp chứng.
- 5) Thành tựu hạnh nguyện của mười tín.
- 6) Sự giống khác của mười tín.

Phẩm: TỊNH HẠNH

Có bốn phần: Tên phẩm: Tịnh hạnh sau khi phát tâm bồ đề, tin hiểu chánh pháp, đoạn trừ tham sân si, thành tựu nguyện lớn, tăng trưởng tâm bi. Nếu đoạn sân... bằng ba không thì không có tâm bi, không thành tựu hạnh Phổ Hiền như muốn đi mà không bước thì không thể đến, muốn hành tâm bi phải hành hạnh Phổ Hiền. Hạnh rộng lớn hiểu rõ mọi pháp, tu 140 nguyện làm hành trang cho muôn hạnh, thấy các pháp thế gian là thanh tịnh, nhập hạnh Phổ Hiền. Nếu không phát nguyện dù đoạn phiền não vẫn thuộc nhị thừa, là Bồ-tát sanh về cõi tịnh 140 nguyện ấy sẽ biến pháp thế gian thành hạnh Phổ Hiền, trang nghiêm cõi nước, thành tựu căn lành. Nghĩa phẩm: sự thành tựu hạnh nguyện của mười tín. Tất cả đều không ngoài nguyện lớn. Tông chỉ cõi pha lê sắc, Phật Bất Động Trí là trí thanh tịnh không nhiễm ô của Phật, là người hỏi. Văn Thù là trí phân biệt đúng sai, là người nói. Trí căn bản của Phật là người hỏi người đáp 140 nguyện lớn thành tựu Phật tín... địa mười một, là hạnh Phổ Hiền. Dùng trí thanh tịnh hỏi trí vi diệu nói 140 nguyện về vô minh, tịnh nhiễm của sáu vị, địa bảy còn sự hiền lành của pháp chấp, mười địa còn chướng tử chấp pháp, địa mười một còn hai ngu. Song ngay vị tin đã đoạn trừ vọng chấp ấy. Dùng nguyện lực phòng hộ tâm, tự tại trước động tịnh. Nhưng nơi trí vi diệu thanh tịnh căn bản của Phật giảng 140 nguyện lớn ngăn chướng hai chướng diễn tịnh. Dùng 140 nguyện ngăn chặn 140 phiền não tịnh nhiễm của sáu vị. Tin tấn tu tập đạt bản thể của nguyện, đủ trí vi diệu và trí căn bản, hiểu rõ động tịnh đều là chơn. Vị thế cõi Hoa Tạng được tồn tại bởi vô số phong luân như cát bụi của núi Tu diện. Sự trang nghiêm của cõi nước này là do phong luân đại nguyện giữ gìn hạnh, nhờ hạnh tạo quả, quả tồn tại nhờ nhân Nghĩa là nhờ ước nguyện kiên cố nên có phong luân nâng cõi nước. Sự trang nghiêm của cõi Hoa Tạng là do nguyện lực của Phổ Hiền. Nếu không có nguyện thì không thành hạnh, không có sự trang nghiêm không được quả vì thế mười tín tu tập dựa trên bi trí, hạnh nguyện của Phật. Nếu ngoài Phật có pháp khác thì không có tín, không có Phật thắng giải, không tu hành. Dù siêng năng tin tấn vẫn chỉ là tà pháp. Dù trải qua nhiều kiếp khổ hạnh tu tập, nhưng chỉ một niệm tham sanh sẽ thiêu đốt tất cả. Vì thế văn sau của phẩm này chép: An trụ nơi đạo của các đức Phật ba đời tùy thuận gần gũi chúng sanh, thông đạt pháp tướng, đoạn ác, tu thiện, đủ hạnh nguyện Phổ Hiền. Nghĩa Văn có hai. Nghĩa Phẩm có 14 đoạn:

- 1) 110 câu hỏi về nghiệp thế gian.
- 2) Chủng tộc đầu trong mười cụ túc. Cụ túc có hai nghĩa: Thế

gian: sanh trong nhà nào đó; xuất thế gian: sanh trong nhà Phật, đủ tánh Phật, thân tướng nội tâm đều là dòng Phật không thuộc thế gian.

3) Mười trí thù thắng của xuất thế gian.

4) Mười lực (nhân lực: đời đời tự tại phát tâm bồ đề; Dục lực: vui thích tâm bồ đề không thoái chuyển; phương tiện lực: nhờ nguyện giác ngộ, không phí công sức, giác ngộ chúng sanh không còn sanh tử. Duyên lực: hiểu rõ chủ thể đối tượng diệu là điều kiện phát sanh mười tín, các đức Phật đều tin hiểu, trọn vẹn hạnh nguyện bằng trí này. Cõi nước tên Kim Sắc: Thể của nhân quả là pháp thanh tịnh. Phật tên Bất Động Trí: vô minh vốn không, khô gì lay động, tùy cảnh biết pháp, tùy người biết khả năng như âm vang theo tiếng, không có nơi chốn hình thể là trí, không lấy bỏ là Bất Động. Nhân quả: Trí vi diệu là nhân, Phật Bất Động là quả. Song nhân quả tác động lẫn nhau. Nếu dùng trí phân biệt các pháp thì trí là nhân, Bất Động là quả. Nếu phân biệt hệ phát sanh từ trí thì Bất Động là nhân, trí vi diệu là quả. Trí và huệ cũng không phải là nhân quả, vì thể tánh không đầu cuối, không thể nắm bắt được. Đó là sự tự tại của pháp giới, không như nhân quả so sánh của thế gian. Dù mới phát tâm hay thành tựu quả Phật, hai trí ấy vẫn không thay đổi. Đó là mượn trí Phật giác ngộ chúng sanh, để chúng sanh đạt trí Phật 11. Sự khác biệt của cõi Ta bà và mười phương đều được hiển hiện qua thân lực Phật (như phần hỏi đáp của Văn Thù và các Bồ-tát thượng vị) Trong các cõi Phật, cõi Kim Sắc của Phật Bất Động Trí là cõi Phật an trụ; chín cõi nước và chín đức Phật khác là sự trang nghiêm, là pháp tánh. mười địa, Như lai xuất hiện là thành chánh giác, thanh tịnh pháp Phật.

5) Phần sau hỏi về Duyên lực: hiểu rõ chủ thể đối tượng diệu là điều kiện phát sanh mười tín, các đức Phật đều tin hiểu, trọn vẹn hạnh nguyện bằng trí này. Cõi nước tên Kim Sắc: Thể của nhân quả là pháp thanh tịnh. Phật tên Bất Động Trí: vô minh vốn không, khô gì lay động, tùy cảnh biết pháp, tùy người biết khả năng như âm vang theo tiếng, không có nơi chốn hình thể là trí, không lấy bỏ là Bất Động. Nhân quả: Trí vi diệu là nhân, Phật Bất Động là quả. Song nhân quả tác động lẫn nhau. Nếu dùng trí phân biệt các pháp thì trí là nhân, Bất Động là quả. Nếu phân biệt hệ phát sanh từ trí thì Bất Động là nhân, trí vi diệu là quả. Trí và huệ cũng không phải là nhân quả, vì thể tánh không đầu cuối, không thể nắm bắt được. Đó là sự tự tại của pháp giới, không như nhân quả so sánh của thế gian. Dù mới phát tâm hay thành tựu quả Phật, hai trí ấy vẫn không thay đổi. Đó là mượn trí Phật giác ngộ chúng sanh, để chúng sanh đạt trí Phật 11. Sự khác biệt của cõi Ta bà và mười

phương đều được hiển hiện qua thần lực Phật (như phần hỏi đáp của Văn Thù và các Bồ-tát thượng vị) Trong các cõi Phật, cõi Kim Sắc của Phật Bất Động Trí là cõi Phật an trụ; chín cõi nước và chín đức Phật khác là sự trang nghiêm, là pháp tánh. mười địa, Như lai xuất hiện là thành chánh giác, thanh tịnh pháp Phật.

thiện xảo (uẩn thiện xảo: đủ năm uẩn như người đời nhưng không chấp năm uẩn giới thiện xảo: sanh trong ba cõi 18 giới nhưng không nhiễm; xứ thiện xảo: ba cõi sáu nẻo là xứ, thiên định giải thoát không thuộc sát. Sống trong pháp thế nhưng không đắm nhiễm. Duyên khởi thiện xảo: sống trong 12 duyên nhưng không bị trói buộc. Dục sắc vô sắc giới thiện xảo: sống trong ba cõi nhưng không chấp. Quá hiện vi thiện xảo: tự tại trước sự dung nhiếp của ba đời).

6) Bảy giác và ba không.

7) Sáu độ bốn tâm vô lượng.

8) mười lực.

9) mười vua ủng hộ (quả Phật và hạnh nguyện).

10) Hạnh lợi sanh.

11) Pháp làm người thù thắng trong chúng sanh.

12) Văn Thù nghe 110 câu hỏi, khen tài năng của Trí Thủ.

13) 140 nguyện, trả lời những câu hỏi trước để so tìn thanh tịnh thân ngữ ý.

14) Nương pháp tu tập đạt lợi ích, biến 140 pháp thế gian hành 140 nguyện, tâm tu tập của mười tìn. Tuy là tâm hữu vi nhưng đủ khả năng thành tựu mười trụ. Trí bi hành nguyện của năm vị sau đều bắt nguồn từ đây. Nếu Bồ-tát tu tập thiếu những nguyện lớn thì sự giải thoát đạt được chỉ là hạnh của Thanh Văn Độc giáo, chỉ sanh về cõi tịnh, không có nhân thành Phật. Vì thế Bồ-tát phát tâm trong Minh này phải tâm hữu vi ấy, thành tựu lý tứ.
